TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN HOÀNG MAI** **TP. HÀ NỘI** **--------** Bản án số: **82**/2019/HNGĐ-ST Ngày: 22/11/2019 V/v tranh chấp về ly hôn	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ----------

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HOÀNG MAI - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: ***Bà Trần Thị Kim Cúc***

Các Hội thẩm nhân dân : ***1. Bà Trần Thị Minh***

2. Ông Nguyễn Văn Vỹ

Thư ký phiên tòa: ***Bà Nguyễn Thanh Vân***

- Thẩm tra viên Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai

Đại diện VKSND quận Hoàng Mai - TP Hà Nội tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Hải Yến - Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Hoàng Mai - thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 722/2019/HSST ngày 31/07/2019 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68A/2019/QĐXXST - HS ngày 23/10/2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 97/2019/QĐST-HNGĐ ngày 06/11/2019; giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn: Anh Lương Trọng T**- sinh năm 1986

HKTT: Số 53, tổ 23, phường P, quận Đ, Hà Nội

Trú tại: Số 19/59/195 TC, phường C, quận B, Hà Nội(có mặt)

- **Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Minh H**- sinh năm 1987

HKTT: Số 53, tổ 23, phường P, quận Đ, Hà Nội

Trú tại: Số 7/210/364 G, tổ 6 phường T, quận H, Hà Nội(có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Lương Trọng T trình bày:

Về tình cảm: Anh và chị Nguyễn Thị Minh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 24/03/2011 tại Ủy ban nhân dân phường PL, quận Đống Đa, Hà Nội. Đây là lần kết hôn đầu tiên của hai vợ chồng. Sau khi kết hôn hai anh chị sống tại địa chỉ số 53 tổ 23 phường P, quận Đ, Hà Nội, đây là nhà của mẹ đẻ chị H. Đến năm 2016 thì hai anh chị về sinh sống tại địa chỉ: Số 7/210/364 G, tổ 6 phường T, quận H, Hà Nội cho đến nay.

Quá trình chung sống, theo anh T trình bày: anh chị thường xuyên bất đồng quan điểm từ việc chăm sóc con cái đến vấn đề kinh tế chi tiêu trong gia đình. Bản thân anh là người ít nói lên không đẩy mâu thuẫn lên cao. Nếu không đồng ý vấn đề gì trong gia đình, anh thường không nói ra và âm thầm chịu đựng, vợ lại không hiểu tính chồng, luôn làm theo ý của mình, điều đó lâu dần làm tình cảm vợ chồng hoàn toàn nguội lạnh. Để tránh ảnh hưởng đến con cái, anh có chuyển ra ngoài sống từ tháng 02 năm 2019. Anh thuê nhà tại số Số 19/59/195 TC, phường C, quận B, Hà Nội. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị H.

Về con chung: Anh T xác nhận trong thời kỳ hôn nhân anh chị có 02 con chung là Lương Nguyễn Diệp A, sinh ngày 04/10/2011 và cháu Lương Nguyễn Diệu L, sinh ngày 19/5/2018, hiện cả hai con chung đang ở cùng với mẹ tại số Số 7/210/364 G, tổ 6 phường T, quận H, Hà Nội. Khi ly hôn, anh cũng nhất trí để chị H được trực tiếp nuôi 02 con. Về cấp dưỡng nuôi con: tại biên bản hòa giải ngày 10/9/2019, anh T đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung là 5.000.000 đồng/tháng/ cháu. Tuy nhiên, tại các biên bản hòa giải ngày 27/9/2019 và ngày 08/10/2019, anh T lại đề nghị mức cấp dưỡng nuôi con chung là 4.500.000 đồng/tháng/ cháu.. Hiện anh làm tại Công ty TNHH Strawberry Jam Hà Nội, mức lương khoảng 31.000.000 đồng/ tháng, nhưng trừ thuế đi, anh còn nhận: 27.000.000 đồng/ tháng.

Về tài sản chung, nhà ở chung : Anh, chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về các khoản nợ chung: Anh, chị cam kết không vay nợ ai và không cho ai vay nợ chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

- **Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bị đơn là chị Nguyễn Thị Minh H trình bày**: Chị xác nhận quá trình kết hôn, thời gian chung sống như anh T trình bày. Chị cho rằng, vợ chồng không có mâu thuẫn gì, chỉ là những mâu thuẫn nhỏ nhặt, chị cũng rất tôn trọng chồng, cũng hỏi ý kiến của chồng trong mọi việc gia đình. Chị cũng còn yêu thương chồng nhiều, anh T tự chọn cách ra đi, không cho chị cơ hội hàn gắn. Chị không muốn con chị phải thiếu bố hoặc thiếu mẹ.

Về con chung: Chị H xác nhận trong thời kỳ hôn nhân anh chị có 02 con chung là Lương Nguyễn Diệp A, sinh ngày 04/10/2011 và cháu Lương Nguyễn Diệu L, sinh ngày 19/5/2018, hiện cả hai con chung đang ở cùng với chị. Nếu buộc phải ly hôn, hai anh chị cùng thống nhất thỏa thuận giao cả hai con chung cho chị H trực tiếp chăm sóc. Chị đề nghị anhT phải cấp dưỡng 8.000.000 đồng/ tháng/ cháu.Chị H hiện đang làm truyền thông, lương 7 triệu đồng/ tháng.

Về tài sản chung, nhà ở chung: Anh, chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về các khoản nợ chung: Anh, chị cam kết không vay nợ ai và không cho ai vay nợ chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: nguyên đơn là anh T vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với chị H . Anh T trình bày: vợ chồng có rất nhiều mâu thuẫn xuất phát từ việc vợ chồng anh mua một căn nhà(hiện nay chị H đang ở), thời điểm đó anh rất áp lực về kinh tế nhưng chị H không hiểu anh. Anh cho rằng vợ anh là người rất ích kỷ. Sau khi ly thân một thời gian anh thấy lựa chọn ra đi của anh là chính xác. Từ lúc anh ra khỏi nhà, vợ anh cũng chưa một lần khuyên anh quay về. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc, đề nghị Tòa án cho anh được ly hôn với chị H.

- *Về con chung*, Anh đồng ý để chị H được trực tiếp nuôi 02 con. Anh T đồng ý cấp dưỡng 5.0000.000 đồng tháng/ cháu. Về tài sản chung và nhà ở chung: Anh, chị tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Anh, chị không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là chị Nguyễn Thị Minh H trình bày: Chị tự thấy chị cư xử với cả hai bên gia đình nội ngoại không có điều tiếng gì. Còn về việc anh T nói mâu thuẫn xuất phát từ chuyện mua nhà cửa chị rất ngạc nhiên, bây giờ chị mới biết. Chị cho rằng, anh T muốn ly hôn là do anh T đã có người phụ nữ khác chỉ là chị không muốn đưa ra bằng chứng ngoại tình của anh T. Toàn bộ quá trình giải quyết vụ án, chị không đề cập vấn đề này bởi vì chị muốn cho anh T cơ hội để quay về. Do vậy, anh T muốn ly hôn, chị không đồng ý vì chị không muốn hai con phải thiếu bố thiếu mẹ và vì chị vẫn còn tình cảm với chồng.

Về con chung: khi ly hôn chị cũng muốn được trực tiếp nuôi hai con. Về cấp dưỡng nuôi con, chị vẫn giữ nguyên đề nghị anh T phải cấp dưỡng cho hai con, mỗi con 8.000.000 đồng/ tháng. Hiện nay chị đang làm truyền thông, mức lương 7.000.000 đồng/ tháng.

Về tài sản chung, nhà ở chung: Anh, chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về các khoản nợ chung: Anh, chị cam kết không vay nợ ai và không cho ai vay nợ chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát có ý kiến: Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật, xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng, tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử điều khiển phiên tòa theo đúng trình tự, thủ tục. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

+ ***Về hôn nhân***: Anh Lương Trọng T và chị Nguyễn Thị Minh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Phương Liên, quận Đống Đa, Hà Nội ngày 24/3/2011. Đây là lần kết hôn thứ nhất của cả hai anh chị. Căn cứ Bản sao Trích lục kết hôn của UBND phường Phương Liên thì xác định đây là hôn nhân hợp pháp giữa anh T và chị H. Quá trình giải quyết vụ án cũng như xác minh của Toà án thì giữa anh T và chị H không xảy ra cãi vã cần chính quyền địa phương giải quyết. Tuy nhiên, anh chị đã sống ly thân khoảng nửa năm nay. Gia đình hai bên đã khuyên giải nhưng anh T không quay về.

Do đó, xác định anh T và chị H mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, căn cứ Điều 51, 56 Luật HNGĐ 2014 đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T đối với chị H.

+ ***Về con chung***: Xác định anh chị có 02 con chung là cháu Lương Nguyễn Diệp A sinh ngày 04/10/2011 và cháu Lương Nguyễn Diệu L sinh ngày 19/5/2018. Quá trình giải quyết vụ án anh chị thoả thuận giao cả 02 con chung cho chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Anh T đề nghị mức cấp dưỡng 5 triệu đồng/tháng cho mỗi con. Chị H đề nghị mức cấp dưỡng 8 triệu đồng/tháng cho mỗi con. Xét thấy, cháu D có nguyện vọng được ở với mẹ, cháu D còn nhỏ cần được sự quan tâm chăm sóc của người mẹ, anh chị đều thoả thuận giao cả 02 con chung cho chị H nuôi dưỡng, do đó căn cứ Điều 81, 82, 83 Luật HNGĐ 2014 đề nghị HĐXX giao cả 02 con chung cho chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh T có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: anh chị không tự thoả thuận được mức cấp dưỡng do đó đề nghị HĐXX giải quyết theo quy định của pháp luật đảm bảo quyền lợi của người mẹ và trẻ em.

+ *Về tài sản chung*: Anh,chị không yêu cầu Tòa án giải quyết

+ *Về nợ chung*:Anh, chị cam kết không vay nợ chung, không yêu cầu tòa án giải quyết

+ *Về án phí*: anh Lương Trọng T chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Việc anh Lương Trọng T xin ly hôn với chị Nguyễn Thị Minh H, chị Nguyễn Thị Minh H đang trú tại địa chỉ: quận h. Theo quy định tại khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đây là tranh chấp hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lương Trọng T và chị Nguyễn Thị Minh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 24/3/2011 tại Ủy ban nhân dân phường Phương Liên, quận Đống Đa, Hà Nội nên quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị H là hợp pháp.

Qua các tài liệu có trong hồ sơ và tài liệu Tòa án thu thập chứng cứ tại địa phương và gia đình hai bên thể hiện: mâu thuẫn giữa anh T và chị H là có thật, nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng có mâu thuẫn nhưng không trao đổi, chia sẻ với nhau, dần dần dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt. Anh, chị đã ly thân hơn nửa năm, đã vi phạm nghĩa vụ vợ chồng quy định tại điều 19 luật hôn nhân gia đình. Anh T và chị H đã không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau trong cuộc sống. Mâu thuẫn của anh chị đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng anh T vẫn không quay về, chứng tỏ tình cảm của anh không còn, khả năng hàn gắn không có. Tòa án cũng đã tiến hành hòa giải nhiều lần để anh chị đoàn tụ nhưng anh chị không tìm được tiếng nói chung. Chị H không muốn ly hôn nhưng cũng không có bất kỳ biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tại phiên tòa, chị H cho rằng anh T có người phụ nữ khác nhưng không đưa ra bằng chứng để chứng minh. Trong suốt quá trình Tòa án hòa giải, chị H cũng không đề cập đến vấn đề này. Do vậy, không có căn cứ để xem xét ý kiến của chị H. Anh T vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với chị H. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án xác minh tại chính quyền địa phương thể hiện: hiện nay anh T và chị H không cùng chung sống với nhau. Do vậy, căn cứ vào điều 56 luật hôn nhân gia đình thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T với chị H đã trầm trọng, không có khả năng đoàn tụ,

mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T, cho anh T được ly hôn chị H.

[3] Về con chung: Anh T và chị H cùng xác nhận trong thời kỳ hôn nhân anh chị có 02 con chung là cháu Lương Nguyễn Diệp Anh, sinh ngày 04/10/2011 và cháu Lương Nguyễn Diệu Linh, sinh ngày 19/5/2018, hiện cả hai con chung đang ở cùng với chị H. Khi ly hôn, anh T và chị H cùng thỏa thuận: giao cả hai con chung cho chị H được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Xét đề nghị mức cấp dưỡng của anh T là 5.000.000 đồng/ tháng/ con là phù hợp với hướng dẫn tại khoản 2 mục 3 công văn số 24/1999/KHXX ngày 17/3/1999 của Tòa án nhân dân tối cao giải đáp bổ sung một số vấn đề về áp dụng pháp luật quy định: mức đóng góp phí tổn nuôi dưỡng, giáo dục con tối thiểu không dưới ½(một phần hai) mức lương tối thiểu do Nhà nước quy định tại thời điểm xét xử sơ thẩm đối với một người con. Do vậy, việc anh T tự nguyện cấp dưỡng 5.000.000 đồng/ tháng/ cháu là đúng quy định của pháp luật và phù hợp với thực tế nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung của chị H: chị H yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con là 8.000.000 đồng/ tháng/ cháu. Lý do chị đưa ra là: một tháng chị phải chi tiêu: 1.400.000 đồng học phí cho con gái lớn; học thêm: 2.000.000 đồng; tiền chi tiêu cho con gái nhỏ là 4.000.000 đồng; tiền sinh hoạt cho cháu lớn là 2.000.000 đồng. Tiền điện, nước: 2.000.000 đồng; Tiền thuê giúp việc: 6.000.000 đồng. Tổng cộng là : 17.400.000 đồng.

Xét thấy, khi chị H nhận nuôi cả hai con thì chị H đã phải đảm bảo mọi điều kiện cả về thời gian và vật chất để trực tiếp, chăm sóc hai con nên việc chị tính cả 6 triệu đồng/ tháng để thuê giúp việc là không hợp lý. Mặt khác, cha mẹ đều phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Chị H cũng có việc làm với mức lương 7 triệu đồng/ tháng. Do vậy, yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung 8.000.000 đồng/ tháng/ con của chị H là quá cao, không phù hợp thực tế nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về tài sản chung, nhà ở chung: Anh, chị tự thỏa thuận, không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về khoản nợ chung: Anh, chị xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điều 51,56 và điều 81,82, 83,116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điều 28,35, 39, 147, 227, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự

Căn cứ vào điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14;

Xử:

1. **Về quan hệ hôn nhân**: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn anh Lương Trọng T. anh Lương Trọng T được ly hôn với chị Nguyễn Thị Minh H.

2. **Về con chung**: Giao 02 con chung là Lương Nguyễn Diệp A, sinh ngày 04/10/2011 và cháu Lương Nguyễn Diệu L, sinh ngày 19/5/2018 cho chị Nguyễn Thị Minh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng kể từ khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các con chung đủ tròn 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận sự tự nguyện về cấp dưỡng nuôi con chung của anh Lương Trọng T, Anh Lương Trọng T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu 5.000.000 đồng/tháng kể từ khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các con chung đủ tròn 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Anh T có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3. **Về tài sản chung, nhà ở chung** : anh T và chị H tự thỏa thuận, không đề nghị giải quyết nên không xét.

4. **Về nợ chung**: Anh, chị cam kết không có nợ chung nên Tòa án không xem xét.

5. Về án phí: Anh T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí anh T đã nộp tại biên lai số AA/2018/0004487 ngày 31/7/2019 của chi cục Thi hành án dân sự quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội. Anh T còn phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn anh Lương Trọng T và bị đơn là chị Nguyễn Thị Minh H có mặt được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *TANDTP Hà Nội; VKSNDTP Hà Nội*
- *Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai, TP Hà Nội;*
- *Chi cục Thi hành án dân sự quận Hoàng Mai, TP Hà Nội;*
- *Ủy ban nhân dân phường Phương Liên, quận Đống Đa, Hà Nội*
(*Giấy chứng nhận kết hôn số 31/2011; quyển số 01 ngày 24/3/2011);*
- *Các đương sự*
- *Lưu HS+ VP*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Kim Cúc

5. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Bình Minh có mặt được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Kiều Thị Lan Hương vắng mặt được quyền kháng cáo bản án này trong hạn ngày kể từ ngày niêm yết bản án theo luật định./.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA